

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

## Tài liệu Hỗ trợ Gia đình

### Mối liên hệ giữa phép nhân và phép chia

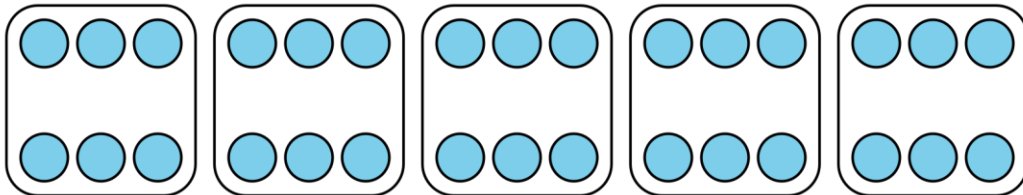
Trong bài học này, học sinh hiểu được ý nghĩa của phép chia và học cách nhân và chia các số nguyên trong phạm vi 100. Học sinh cũng sử dụng bốn phép tính để biểu diễn và giải các bài toán có lời văn theo hai bước. Học sinh nỗ lực hướng tới các mục tiêu cuối năm sau:

- nhân chia thành thạo trong phạm vi 100
- học thuộc lòng tất cả các tích của hai số có một chữ số

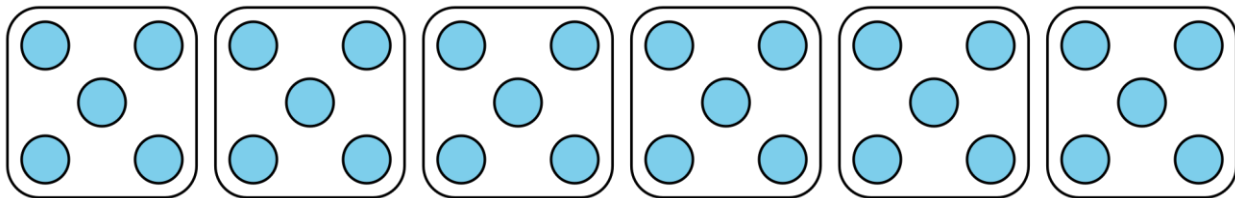
### Phần A: Phép chia là gì?

Trong phần này, học sinh nghĩ về phép chia theo các nhóm có kích thước bằng nhau, giống như các em đã làm với phép nhân. Ví dụ: biểu thức  $30 \div 5$  có thể biểu thị việc xếp 30 đối tượng vào 5 nhóm bằng nhau hoặc xếp 30 đối tượng vào nhóm 5. Học sinh thấy rằng, nói chung, phép chia có thể có nghĩa là trả lời câu hỏi "một nhóm có bao nhiêu?" hoặc "có thể tạo được bao nhiêu nhóm bằng nhau?"

30 đồ vật được chia thành 5 nhóm bằng nhau



30 đồ vật được xếp thành nhóm 5 đồ vật



### Phần B: Liên hệ phép nhân và phép chia

Trong phần này, học sinh tạo mối liên hệ giữa kết quả của phép chia và thừa số còn thiếu trong một biểu thức nhân.

Ví dụ: giá trị của  $30 \div 6$  là thừa số còn thiếu trong  $\square \times 6 = 30$ . Kiến thức này giúp học sinh nhận ra các phép chia dựa trên phép nhân mà các em biết.

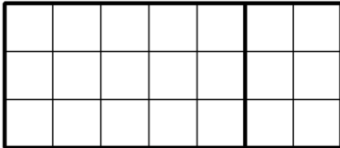
TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Học sinh cũng học cách sử dụng các tính chất của phép nhân. Ví dụ: nếu học sinh biết  $3 \times 7$  thì các em cũng biết  $7 \times 3$ .

Học sinh cũng có thể tách (hoặc phân chia) số 7 trong  $7 \times 3$  thành 5 và 2, sau đó tìm  $(5 \times 3) + (2 \times 3)$ . Sơ đồ diện tích có thể trình bày chiến lược phép tính nhân.



### Phần C: Nhân số lớn hơn

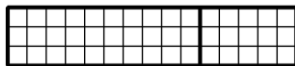
Trong phần này, học sinh sử dụng các chiến lược khác nhau để nhân các số lớn hơn. Đầu tiên, học sinh sẽ nhân một số có một chữ số với bội số của 10, dựa vào những kiến thức các em biết về giá trị theo hàng. Ví dụ:  $2 \times 40$  có nghĩa là 2 nhóm 4 chục hoặc  $2 \times 4 \times 10$ . Sau đó, học sinh sẽ nhân số có một chữ số với số có hai chữ số khác.

Học sinh thấy rằng việc chia các số có hai chữ số theo giá trị theo hàng thành hàng chục và hàng đơn vị là rất hữu ích. Ví dụ:  $3 \times 15$  có thể được tính bằng cách tìm  $3 \times 10$  và  $3 \times 5$ . Học sinh sử dụng các khối hoặc sơ đồ 10 đơn vị và sơ đồ diện tích (có và không có lưới) để tìm các tích.

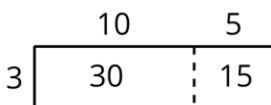
khối hoặc sơ đồ mười đơn vị



sơ đồ diện tích có lưới



sơ đồ diện tích không nối lưới



### Phần D: Chia số lớn hơn

Trong phần này, học sinh chia số lớn hơn. Học sinh tiếp tục sử dụng mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia cũng như kiến thức về giá trị theo hàng để tìm thương số. Ví

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

dụ: để tìm giá trị của  $78 \div 3$ , học sinh có thể nghĩ đến việc xếp 78 vào 3 nhóm bằng nhau và sử dụng phép nhân để tìm giá trị trong mỗi nhóm.

$$3 \times 10 = 30$$

$$3 \times 10 = 30$$

$$3 \times 6 = 18$$

$$10 + 10 + 6 = 26$$

$$3 \times 20 = 60$$

$$3 \times 6 = 18$$

$$20 + 6 = 26$$

### Thực hành tại nhà!

Gần cuối bài học, yêu cầu học sinh tìm câu trả lời cho các bài toán sau:

- $6 \times 16$
- $98 \div 7$

Các câu hỏi có thể hữu ích khi học sinh làm toán:

- Con phân tích bài toán như thế nào để giải dễ dàng hơn?
- Con có thể viết lại bài toán chia dưới dạng bài toán nhân không?



Bản quyền © CC BY 2021 của Illustrative Mathematics®